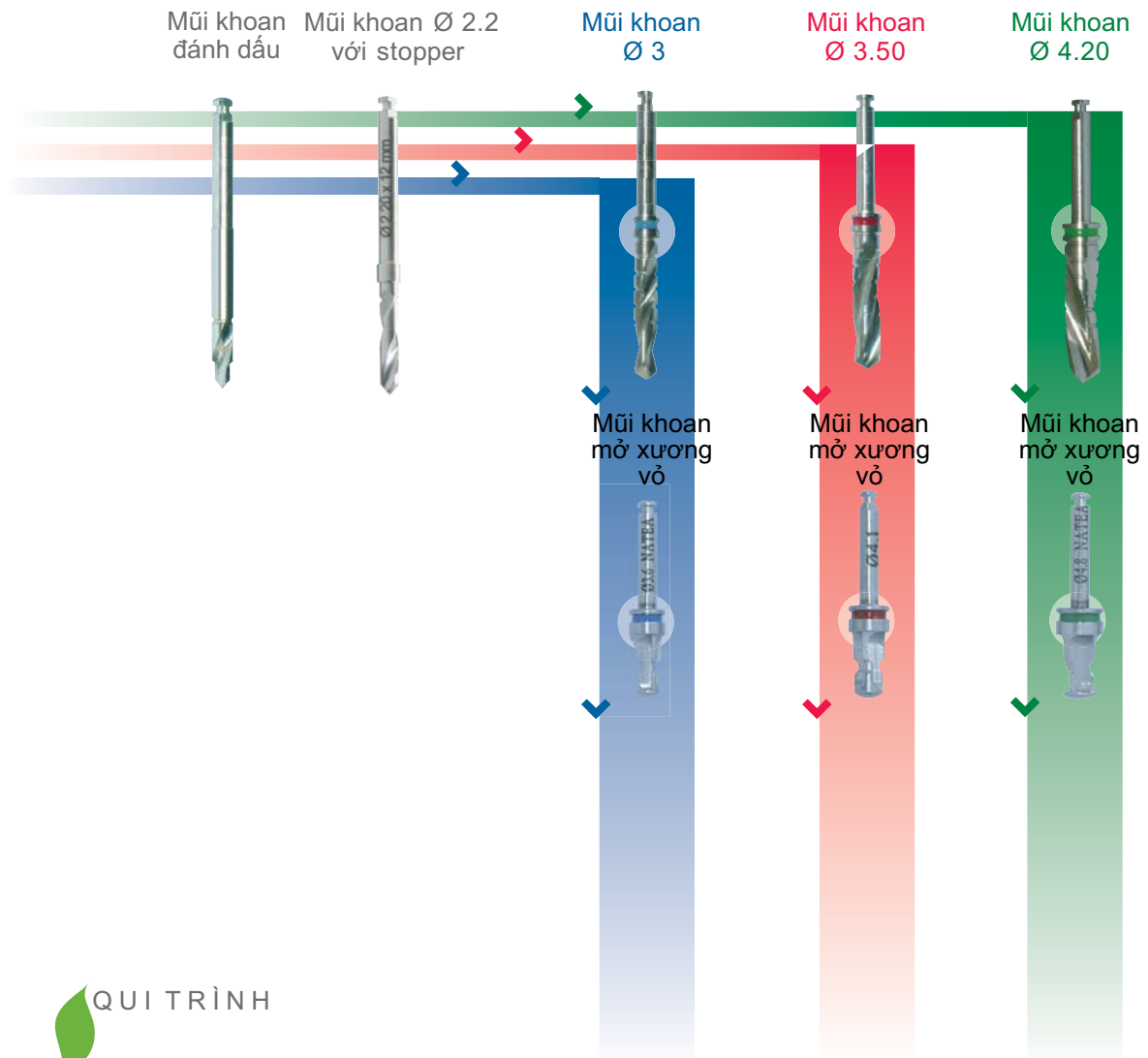


QUY TRÌNH CHUẨN (DÀNH CHO XƯƠNG BÌNH THƯỜNG D2-D3)



QUY TRÌNH

● Implant Ø 3.60

● Implant Ø 4.10

● Implant Ø 4.80

● IMPLANT
Ø 3.60

● IMPLANT
Ø 4.10

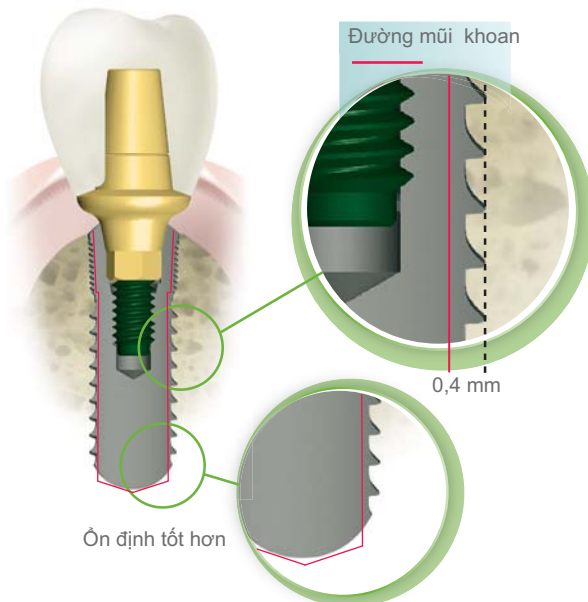
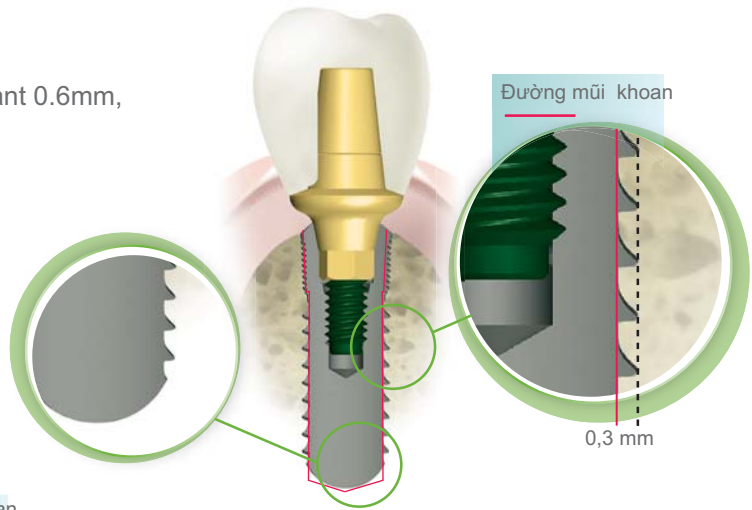
● IMPLANT
Ø 4.80

HÌNH TRỤ

CÁCH SỬ DỤNG MŨI KHOAN THEO CHẤT LƯỢNG XƯƠNG

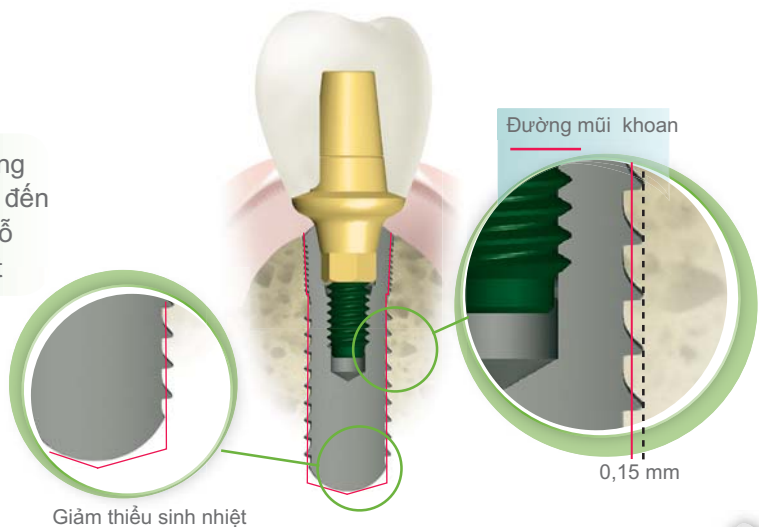
Xương bình thường

Tạo lỗ khoan nhỏ hơn đường kính implant 0.6mm, phần ren sẽ tự nén vào trong xương. (0.3mm mỗi bên)



Xương xốp

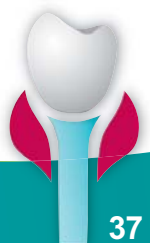
Để đảm bảo tính ổn định ban đầu của implant, tạo lỗ khoan nhỏ hơn đường kính implant 0.8mm phần ren implant sẽ tự nén vào trong xương 0.8mm (0.4mm mỗi bên)



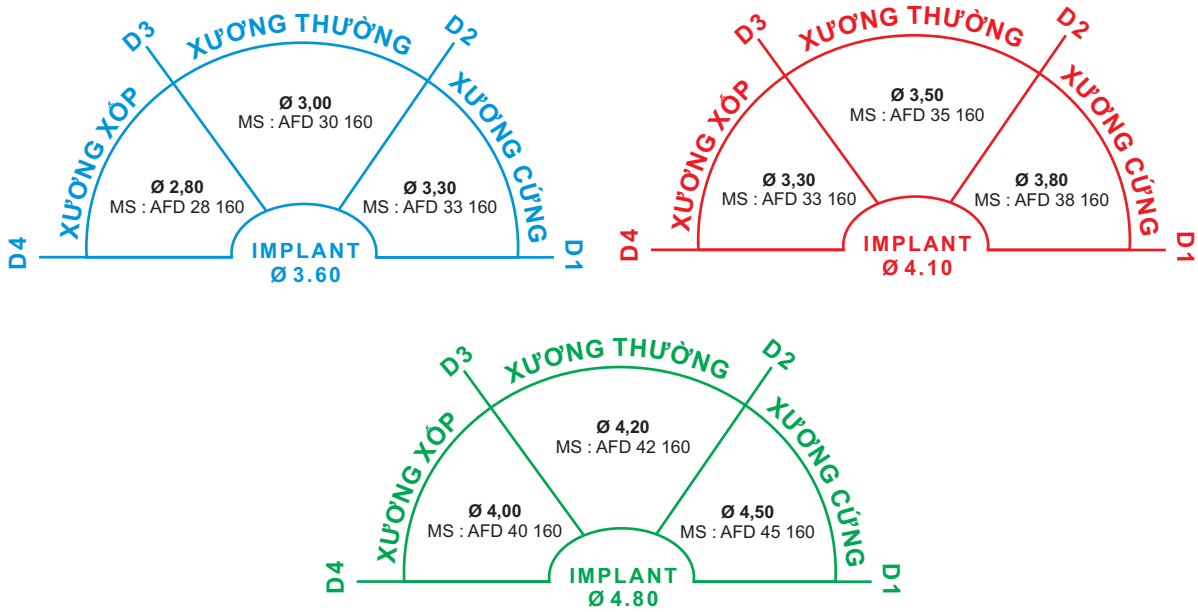
Xương cứng

⚠ Để tránh sự sinh nhiệt quá cao trong quá trình khoan tác động không tốt đến quá trình tích hợp xương, nên tạo lỗ khoan nhỏ hơn đường kính implant

Nên tạo lỗ khoan nhỏ hơn đường kính implant 0.3mm (do đó sẽ giảm ½ độ nén của ren vào trong xương)



BIỂU ĐỒ CÁC MŨI KHOAN ĐỐI VỚI CÁC LOẠI XƯƠNG KHÁC NHAU



STOPPER CÓ THỂ THẮO LẬP DỄ DÀNG

Những stopper được gắn sẵn trên các mũi khoan hình trụ trong bộ phẫu thuật. Tất cả 16 mũi khoan đều có stopper riêng theo kích thước của implant. Mỗi stopper ghi rõ đường kính và chiều dài.

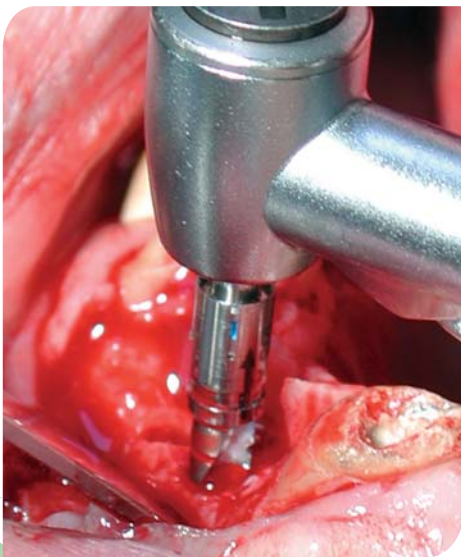
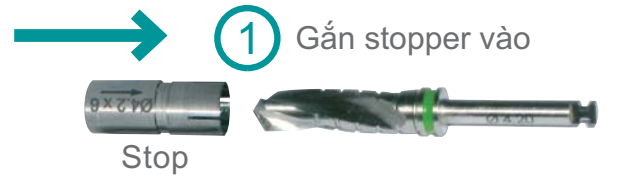
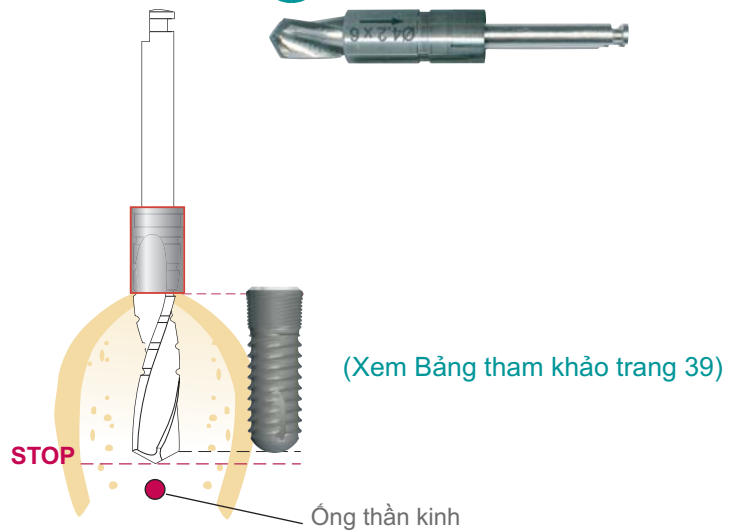


Photo credit : Dr J.R. SERCKI (France - 74)





THAM KHẢO

Mũi khoan	Chiều dài stopper	Độ sâu lỗ khoan	Mã số stopper	Mã số stopper (Bộ)
● Ø 2,8 - Ø 3 lg 16	2	14	ABU 30.140	Bộ 4 stopper ABU 28.30
	4	12	ABU 30.120	
	6	10	ABU 30.100	
	8	8	ABU 30.080	
● Ø 3,5 lg 16	2	14	ABU 35.140	Bộ 5 stopper ABU 35
	4	12	ABU 35.120	
	6	10	ABU 35.100	
	8	8	ABU 35.080	
	10	6	ABU 35.060	
● Ø 4 - Ø 4,2 lg 16	2	14	ABU 42.140	Bộ 5 stopper ABU 42
	4	12	ABU 42.120	
	6	10	ABU 42.100	
	8	8	ABU 42.080	
	10	6	ABU 42.060	

DỤNG CỤ THẢO LẤP STOPPER

(ĐƯỢC CUNG CẤP TRONG BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT)

MS: ACB 36 48

